CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Tập đoàn Đạt Phương

Ngày 31/12/2024	46,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần
Q4/24
1,446
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 701| 94.2%
YoY: ▲ 23.0| 1.6%

LN thuần
Q4/24
153
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 117| 324%
YoY: ▲ 12.0| 8.3%

LN sau thuế
Q4/24
130
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 108| 486%
YoY: ▲ 9.00| 7.6%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
12.7%
YoY: +/-▼ 1.7%

ROE
2024
9.0%
YoY: +/-▲ 0.1%

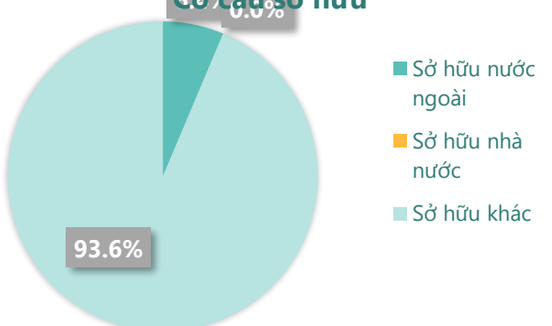
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	37,449 - 62,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,898
Số lượng CPLH (CP)	62,999,554
KLGD BQ 20 phiên (CP)	575,375
Sở hữu nước ngoài	6.4%
Beta	1.87
EPS	3,534
P/E	13.0

DT thuần
2024
3,577
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 127| 3.7%

LN thuần
2024
352
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.0| 10.8%

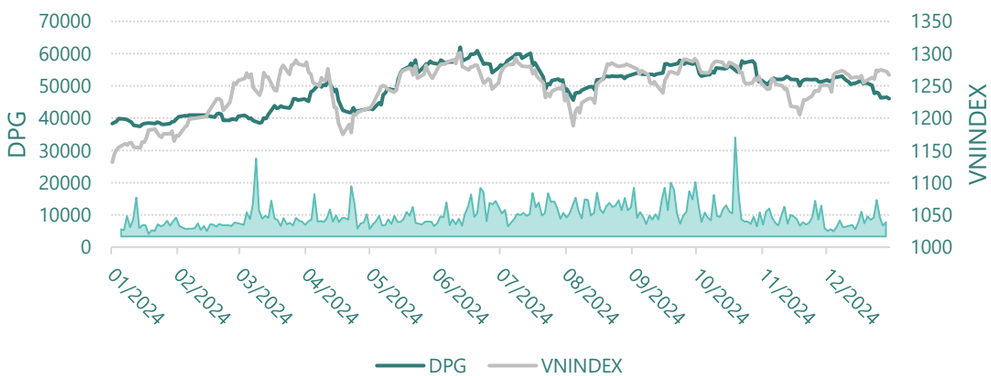
LN sau thuế
2024
303
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.0| 7.0%

Cơ cấu sở hữu

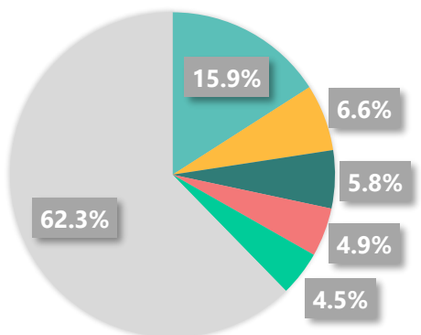


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

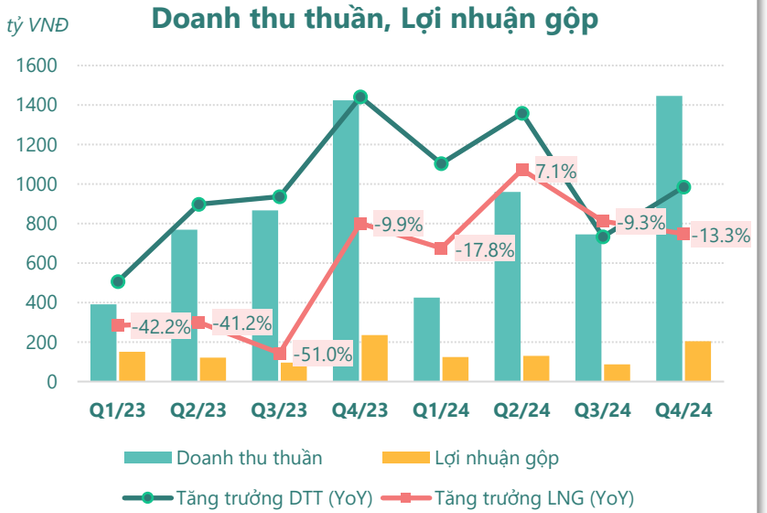


Lương Minh Tuấn (Chủ tịch HĐQT)
Phạm Kim Châu (Phó Chủ tịch HĐQT)
Trần Anh Tuấn (Tổng giám đốc)
Lương Thị Thanh
Trần Thị Thúy Hằng
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

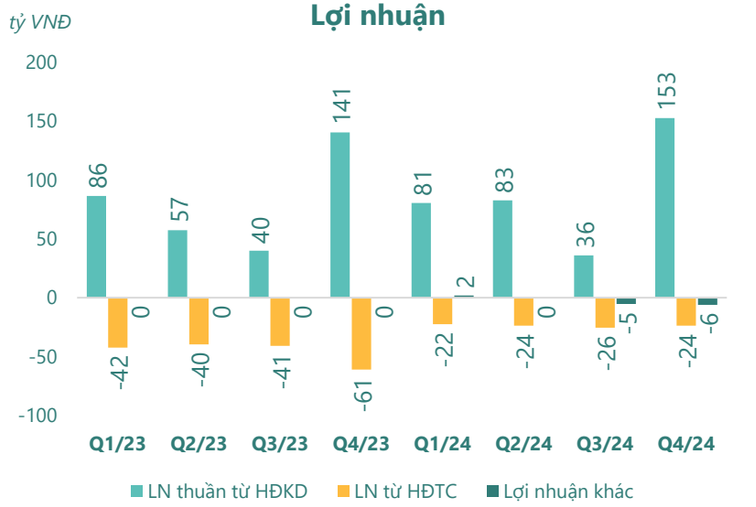
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



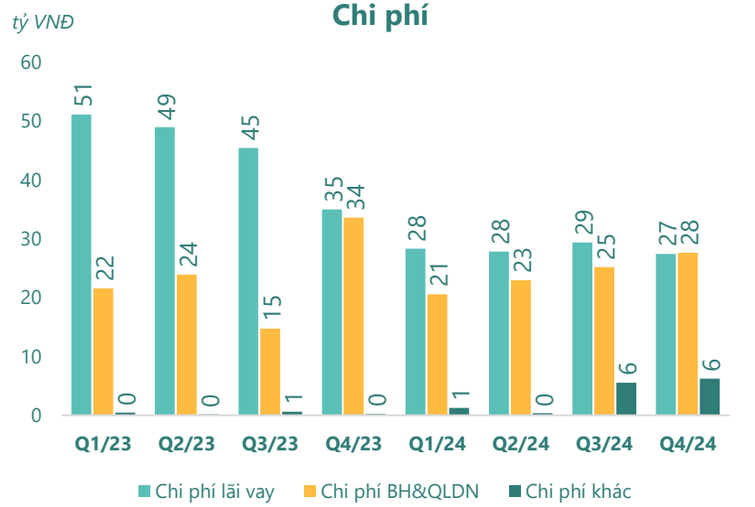
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



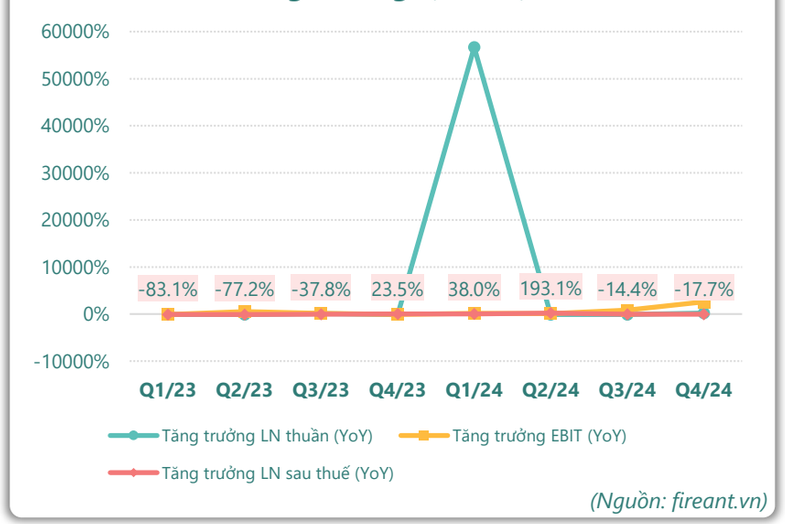
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



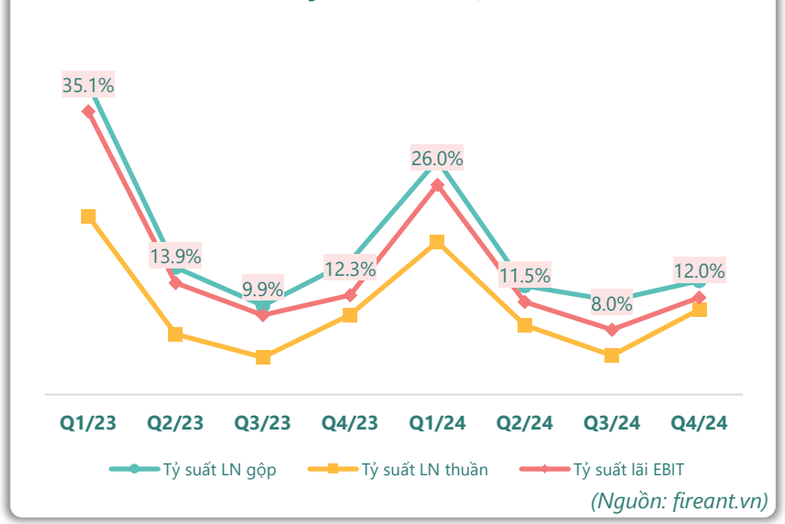
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



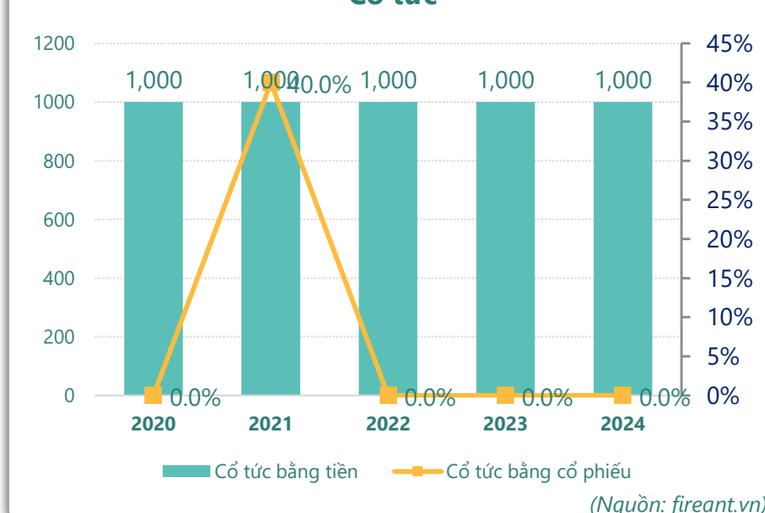
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

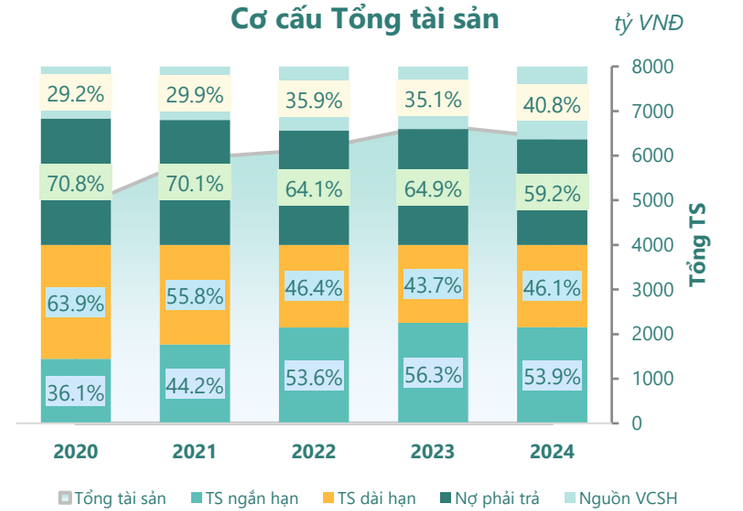
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

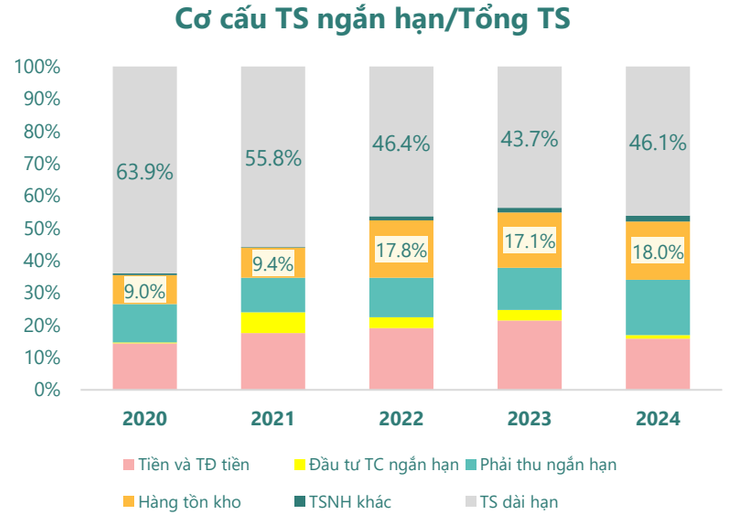
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



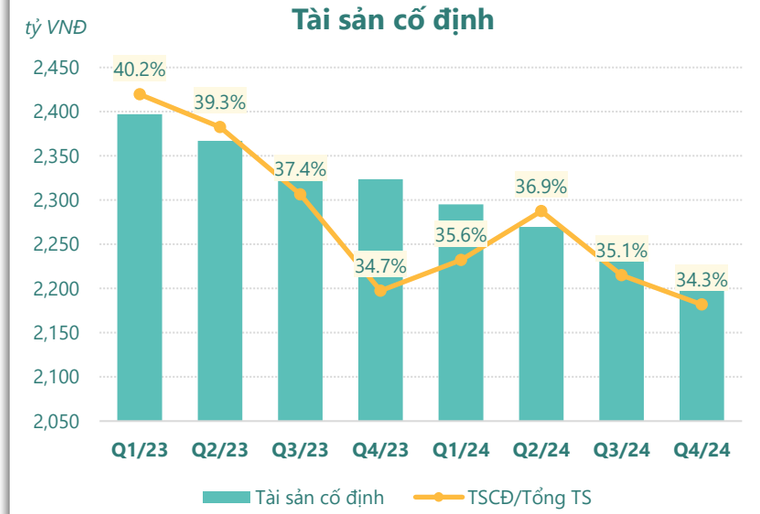
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



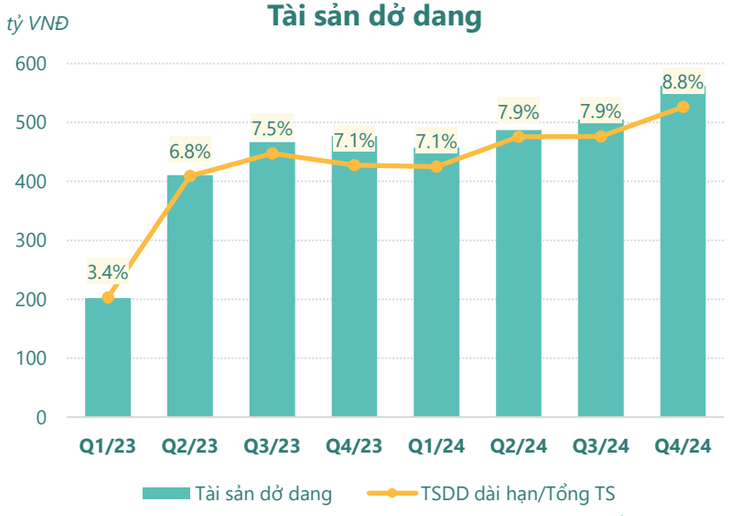
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



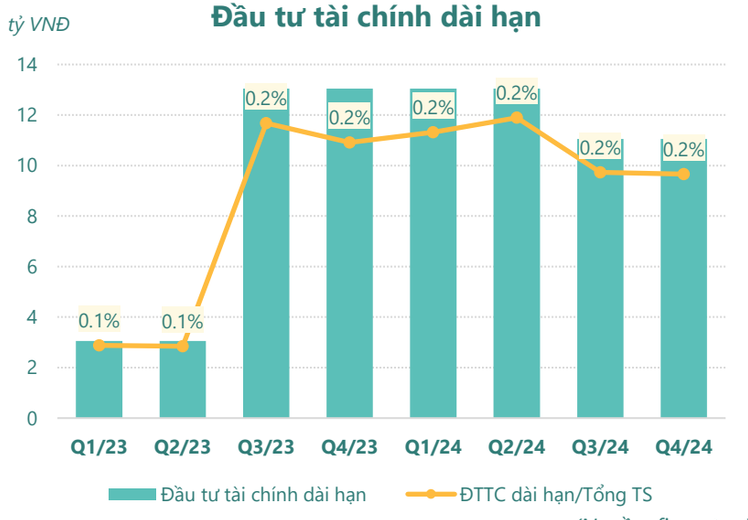
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



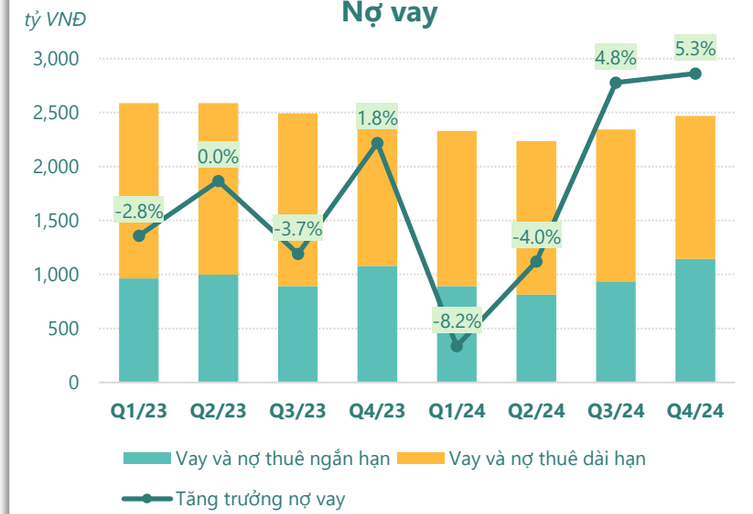
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

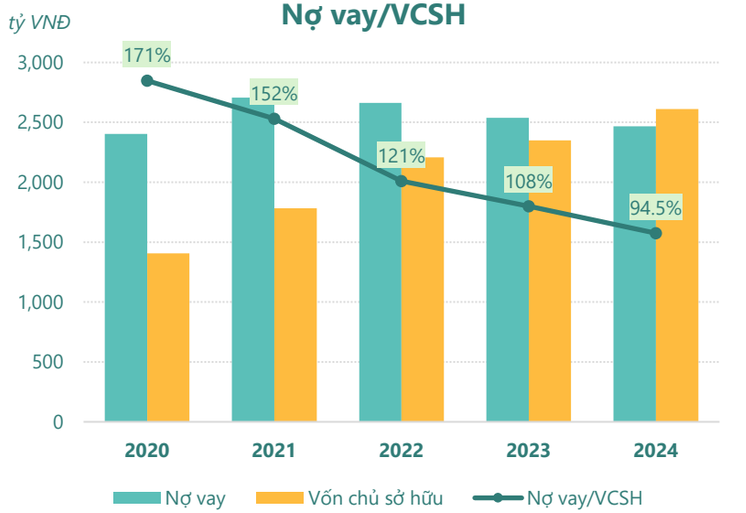
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

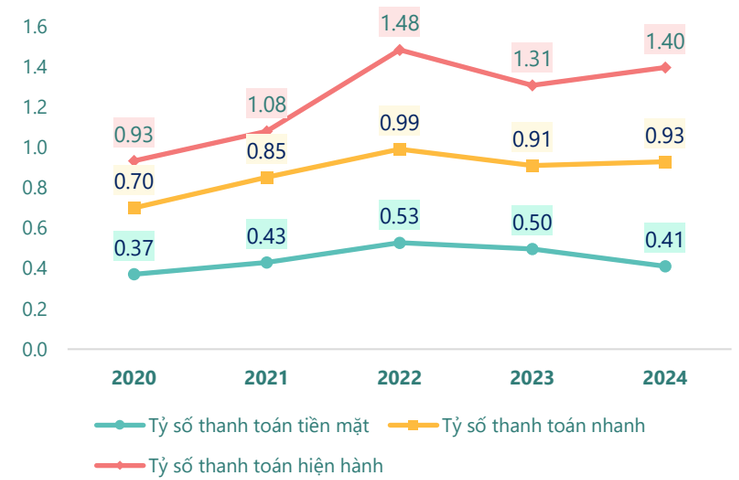
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



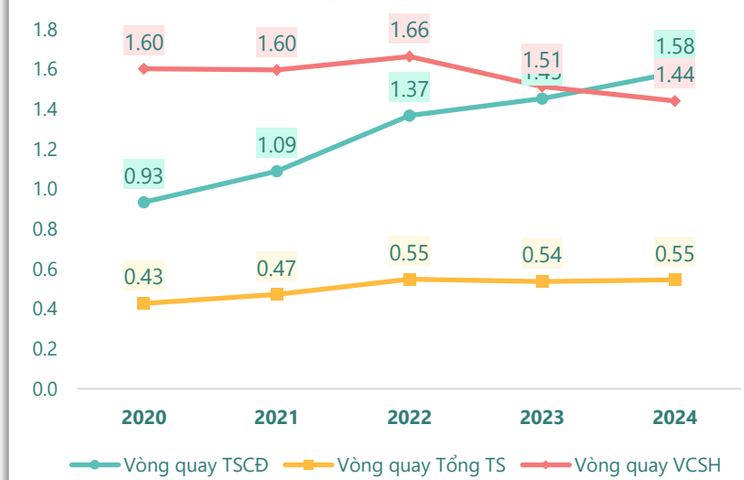
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



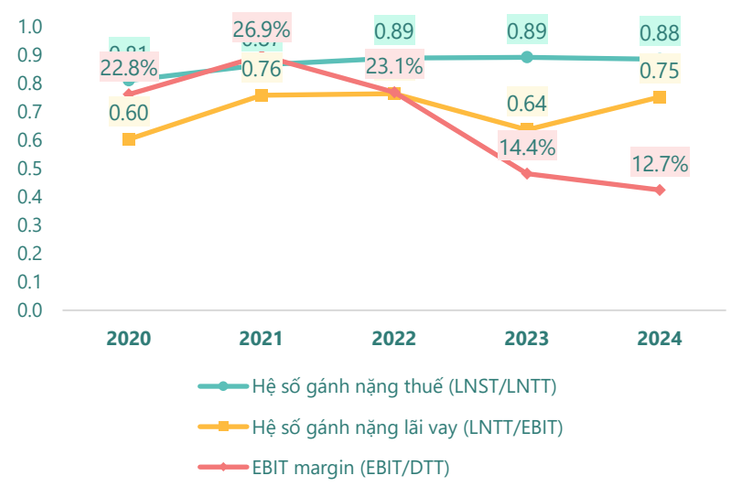
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



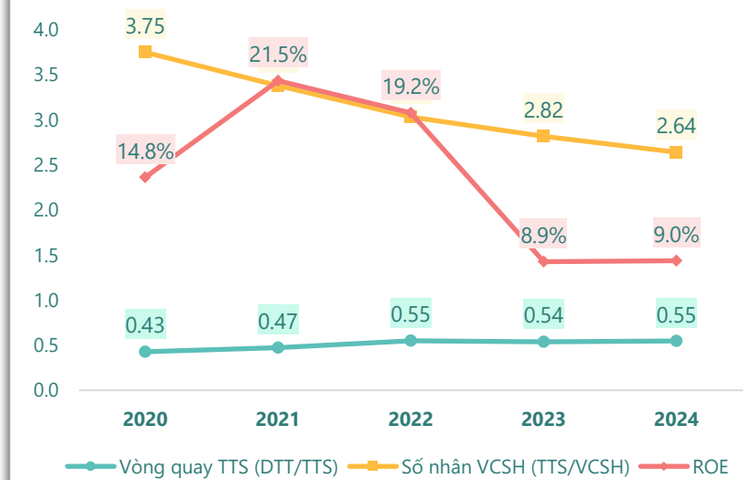
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



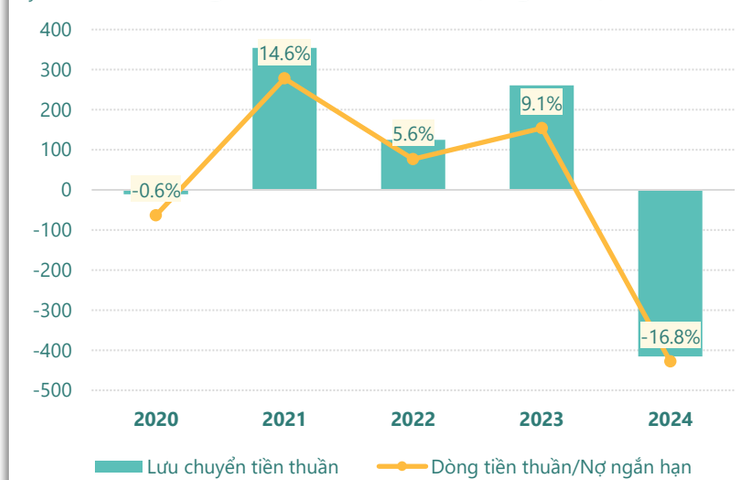
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,446**	**1,423**	**1.6%**	**3,577**	**3,450**	**3.7%**
Giá vốn hàng bán	1,242	1,188	4.6%	3,033	2,865	5.9%
Lợi nhuận gộp	204	235	-13.2%	544	585	-7.0%
Doanh thu HĐTC	4.06	5.62	-27.8%	18.0	28.4	-36.8%
Chi phí TC	27.7	66.6	-58.3%	114	201	-43.5%
Chi phí lãi vay	27.4	35.0	-21.6%	113	181	-37.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.35	3.78	-90.8%	1.73	9.83	-82.4%
Chi phí QLDN	**27.3**	**29.8**	**-8.5%**	**94.7**	**84.7**	**11.7%**
LN thuần từ HĐKD	153	141	8.3%	352	318	10.8%
Lợi nhuận khác	**-6.00**	**-0.14**	**-4187%**	**-10.0**	**-0.67**	**-1392%**
LN trước thuế	147	140	4.8%	342	317	7.9%
Lợi nhuận sau thuế	**130**	**121**	**7.6%**	**303**	**283**	**7.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**96.6**	**89.7**	**7.7%**	**223**	**203**	**9.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	240	528	-498	93.7	10.5	71.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-50.9	-20.5	259	-204	-11.1	-48.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-125	26.6	-176	-94.0	65.5	115
Tiền đầu kỳ	673	738	1,432	1,018	814	879
Lưu chuyển tiền thuần	**64.6**	**534**	**-414**	**-204**	**64.9**	**138**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	738	1,272	1,018	814	879	1,017

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,408**	**6,689**	**-4.2%**
Tài sản ngắn hạn	3,451	3,768	-8.4%
Tiền và tương đương tiền	1,017	1,432	-29.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	69.5	220	-68.4%
Phải thu ngắn hạn	1,097	875	25.4%
Hàng tồn kho	1,155	1,145	0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	113	96.5	16.7%
Tài sản dài hạn	**2,957**	**2,921**	**1.2%**
Phải thu dài hạn	32.0	0	
Tài sản cố định	2,197	2,324	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	562	437	28.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	11.0	13.0	-15.3%
Tài sản dài hạn khác	**155**	**148**	**4.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,796	4,340	-12.5%
Nợ ngắn hạn	**2,472**	**2,880**	**-14.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,144	1,080	5.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	415	380	9.4%
Nợ dài hạn	1,325	1,460	-9.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,324	1,458	-9.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,612**	**2,350**	**11.1%**
Vốn chủ sở hữu	**2,612**	**2,350**	**11.1%**
Vốn điều lệ	630	630	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)